

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày 14/ 10/ 2021

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Võ Minh Tuấn - Cán bộ hưu trí
 2. Ông Hà Bửu Khánh - Nguyên Bí Thư huyện đoàn G
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Văn Lộc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài K - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/HSST, ngày 24 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. *Họ và Tên:* Trần Chí T (T Dâm), sinh ngày 01 tháng 01 năm 2002 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Quách X (chết) và bà Trần Thị T1; Tiền án: Có 01 tiền án về tội: “Trộm cắp tài sản” chưa xóa án tích; Tiền sự: Không, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản” Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị bắt tạm giữ từ ngày 11 tháng 6 năm 2021 đến ngày 14 tháng 6 năm 2021 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. *Họ và Tên:* Trần Vũ L, sinh năm 1996 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Trần Văn H (chết) và bà Phan Thị Hồng A; Vợ: D-ơng Hoàng Tiểu T3 (đã ly hôn); Con: Có 01 người con tên Trần Khánh V, sinh năm 2017; Tiền án: Có 02 tiền án về các tội: “Trộm cắp tài sản và Cố ý gây thương tích” đã được xóa án tích; Tiền sự: Có 01 tiền sự về áp dụng biện

pháp xử lý hành chính đ- a vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã hết thời hiệu truy cứu. Bị cáo Trần Vũ L đang bị tạm giam ở một vụ án khác chờ xét xử (có mặt).

** Bị hại:*

1. Bà Trần Thị Q, sinh năm: 1952 (có mặt)
Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1970 (có mặt).
Nơi cư trú: khu phố , thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972 (vắng mặt).
Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1944 (có mặt).
Nơi cư trú: ấp Dân Q, xã Ngọc T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
5. Ông Lý Thành N, sinh năm: 1968 (vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp Thạnh A, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

** Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Em Trần Văn H, sinh năm 2006 (có mặt).
Nơi cư trú: khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- * Người đại diện hợp pháp của em H: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1986.*
Nơi cư trú: khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
2. Bà: Nguyễn Thị Trúc G.
Nơi cư trú: khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ, ngày 10 tháng 6 năm 2021, Trần Chí T (T Dâm), sinh năm 2002 c- ngụ khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang đi bộ đến nhà ông Nguyễn Văn Thân cùng khu phố thì phát hiện nhà ông T không đóng cửa, T đột nhập vào bên trong nhà lục soát lấy trộm chiếc ví da của ông T để trên gi- ờng ngủ bên trong có 11.400.000đồng mang về gần nhà cất giấu. T đã tiêu xài hết 2.400.000đồng, số còn lại bị cơ quan Công an thu giữ đã trao trả lại cho ng- ời bị hại.

Ngoài lần phạm tội trên, vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2021, Trần Vũ L rủ Trần Chí T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài đ- ợc T đồng ý. L điều khiển xe gắn máy chở T đến khu vực ấp Thạnh An, xã Thạnh Lộc, huyện G, tỉnh Kiên Giang T ở ngoài canh đ- ờng, L đột nhập vào nhà ông Lý Thành Ngọ lấy trộm 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6, màu trắng có ốp l- ng màu xanh mang về thị trấn G bán cho Nguyễn Thị Trúc G 500.000đồng, L chia cho T 200.000đồng.

Tiếp theo vào ngày 09 tháng 6 năm 2021, Trần Chí T bàn với Trần Văn H (Trâu Điền), sinh ngày 23 tháng 11 năm 2006 về việc đi tìm tài sản lấy trộm thì H

đồng ý. T và H từ nhà thuộc khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang đi bộ đến nhà bà Trần Thị Q cùng khu phố, cả 02 đột nhập vào nhà bà Quyển. T lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Masstel, 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch có cần vàng và 01 bình ga bằng kim loại hiệu VT-GAS của bà Quyển, 02 chân l- h-ơng của bà Nguyễn Thị Thu H; H lấy trộm số tiền 2.200.000đồng của ông Nguyễn Văn T. T và H mang tài sản về cất giấu, riêng điện thoại và chân l- h-ơng thì ném xuống sông bở, Hoàng chia cho T 200.000đồng mua ma túy sử dụng, số tiền còn lại Hoàng tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án:

- 9.000.000đồng (chín triệu đồng) loại giấy bạc giá trị 500.000đồng/tờ;
- 02 chân lư h-ơng bằng đồng có màu vàng, cân nặng 06kg;
- 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen;
- 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6, màu trắng có ốp l- ng màu xanh, số IMEL352948099626446 đã qua sử dụng;
- 01 bình gas bằng kim loại hiệu VT-GAS, cân nặng 15,4kg đã qua sử dụng.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện G đã trao trả tài sản bị mất trộm lại cho ng- ời bị hại là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1944, ngụ tại ấp Dân Q, xã Ngọc T, huyện G, tỉnh Kiên Giang 9.000.000đ (chín triệu đồng); Lý Thành N, sinh năm 1968, ngụ tại ấp Thạnh A, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6, màu trắng có ốp l- ng màu xanh, số IMEL352948099626446 đã qua sử dụng; bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970, ngụ tại khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang 02 chân l- u h-ơng bằng đồng có màu vàng, cân nặng 06kg; Trần Thị Q, sinh năm 1952, ngụ tại khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen và 01 bình gas bằng kim loại hiệu VT-GAS, cân nặng 15,4kg đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/TĐG-CT/HĐĐG, ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự nh- sau:

- 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6, màu trắng có ốp l- ng màu xanh, số IMEL352948099626446 đã qua sử dụng giá thị tr- ờng thời điểm hiện tại tỷ lệ còn lại 50%: $7.290.000đ \times 50\% = 3.650.000đ$ ồng;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/TĐG-CT/HĐĐG, ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự nh- sau:

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, mô del: Fami 1, IMEL 1: 352377064051457, IMEL 2: 352377064051465, Made in China, đã qua sử dụng giá thị tr- ờng thời điểm hiện tại tỷ lệ còn lại 50%: $330.00đ \times 50\% = 165.000đ$ ồng;
- 02 chân l- h-ơng bằng đồng có màu vàng, cân nặng 06kg giá thị tr- ờng thời điểm hiện tại 700.000đồng;
- 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch, màu xanh, cần 08 phân vàng 18k giá thị tr- ờng thời điểm hiện tại 4.500.000đồng;

- 01 bình gas bằng kim loại hiệu VT-GAS, cân nặng 15,4kg đã qua sử dụng giá thị trường thời điểm hiện tại tỷ lệ còn lại 50%: 350.000đ x 50% = 175.000đồng;
Tổng cộng: (5.540.000đ).

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 14 tháng 6 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị cáo và ra lệnh tạm giữ đối với Trần Chí T (T Dầm) từ ngày 11 tháng 6 năm 2021 đến ngày 14 tháng 6 năm 2021 chuyển sang tạm giam để điều tra cho đến nay và đối với Trần Vũ L đang bị tạm giam ở một vụ án khác chờ xét xử.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CT-VKSGR, ngày 21 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo Trần Chí T (T Dầm) và Trần Vũ L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Chí T (T Dầm) và Trần Vũ L theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đã được viện dẫn trên và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Chí T (T Dầm) với mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Vũ L với mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về vật chứng của vụ án:

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả tài sản bị mất lại cho người bị hại gồm:

Ông Nguyễn Văn Thân, sinh năm 1944, ngụ tại ấp Dân Q, xã Ngoc T, huyện G, tỉnh Kiên Giang 9.000.000đ (chín triệu đồng);

Lý Thành N, sinh năm 1968, ngụ tại ấp Thạnh A, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6, màu trắng có ốp lưng màu xanh, số IMEL352948099626446 đã qua sử dụng;

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970, ngụ tại khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang 02 chân lưong bằng đồng có màu vàng, cân nặng 06kg;

Bà Trần Thị Q, sinh năm 1952, ngụ tại khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen và 01 bình gas bằng kim loại hiệu VT-GAS, cân nặng 15,4kg đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Xử buộc bị cáo Trần Chí T bồi th- ờng cho ông Nguyễn Văn T 1.400.000đồng;

- Xử buộc gia đình Trần Văn H và Trần Chí T liên đới bồi th- ờng cho ông Nguyễn Văn T 2.200.000đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) trong đó: Gia đình Trần Văn H 2.000.000đ (hai triệu đồng); Trần Chí T 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), bồi th- ờng cho bà Nguyễn Thị Q 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) bao gồm: 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, mô del: Fami 1, IMEL 1: 352377064051457, IMEL 2: 352377064051465, Made in China đã hỏng hoàn toàn giá trị t- ơng đ- ơng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch, màu xanh, cỡ 08 phân vàng 18k giá trị t- ơng đ- ơng 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Trần Chí T (T Dâm) và Trần Vũ L đã biết hành vi của mình là có lỗi, cả 02 bị cáo ăn năn hối cải xin, Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng hình sự:* Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong giai đoạn điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

[2] *Về căn cứ buộc tội:*

Lời khai của các bị cáo Trần Chí T (T Dâm) và Trần Vũ L tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 02 giờ, ngày 10 tháng 6 năm 2021, Trần Chí T đi bộ đến nhà ông Nguyễn Văn T ngụ tại khu phố 4 thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang phát hiện nhà ông T không đóng cửa, T đột nhập vào bên trong nhà lục soát lấy trộm chiếc ví da của ông T để trên gi- ờng ngủ bên trong có 11.400.000đồng mang về gần nhà cất giấu và sử dụng hết 2.400.000đồng.

Ngoài ra, vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2021, L điều khiển xe gắn máy chở T đến khu vực ấp Thạnh A, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang T ở ngoài canh đ- ờng, L đột nhập vào nhà ông Lý Thành N lấy trộm 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6, màu trắng có ốp l- ng màu xanh mang về thị trấn G bán cho Nguyễn Thị Trúc G 500.000đồng, L chia cho T 200.000đồng.

Tiếp theo vào ngày 09 tháng 6 năm 2021, T và Trần Văn H từ nhà thuộc khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang đi bộ đến nhà bà Trần Thị Q cùng khu phố, cả 02 đột nhập vào nhà bà Q. T lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Masstel, 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch có cỡ vàng và 01 bình gas bằng kim loại hiệu

VT-GAS của bà Q, 02 chân l- h-ơng của bà Nguyễn Thị Thu H; H lấy trộm 2.200.000đồng của ông Nguyễn Văn T.

Chúng thư thẩm định giá tài sản bị mất trộm có giá trị tại thời điểm là 5.540.000đ (năm triệu năm trăm bốn chục nghìn đồng). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố đối với các bị cáo Trần Chí T (T Dâm) và Trần Vũ L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" là có căn cứ, đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Các bị cáo Trần Chí T (T Dâm) và Trần Vũ L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe tốt lẽ ra phải tìm cho mình một việc làm ổn định để nuôi bản thân và gia đình, góp phần có ích cho xã hội, các bị cáo cũng nhận thức đ-ợc hành vi trộm cắp tài sản là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân đ-ợc pháp luật bảo vệ và mọi ng-ời tôn trọng, nh- ng vì tham lam nên các bị cáo bất chấp pháp luật để lao vào con đ-ờng phạm tội.

Đối với bị cáo T (T Dâm) có 01 tiền án về tội "*Trộm cắp tài sản*" ch- a đ-ợc xóa án tích, lần này lại tiếp tục liên tục tham gia 03 vụ trộm trong khoảng thời gian ngắn.

Đối với bị cáo L có 02 tiền án về tội "*Trộm cắp tài sản và Cố ý gây th-ơng tích*" đã xóa án tích nh- ng lại có 01 tiền sự về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đ- a vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã hết thời hạn truy cứu.

Đối với em Trần Văn H mặc dù ch- a đủ tuổi để truy cứu trách nhiệm hình sự nh- ng đã tham gia trộm cắp tài sản cùng với T nên tại phiên tòa hôm nay cũng cần phê phán hành vi trộm cắp tài sản của em H để rút kinh nghiệm.

Hành vi trên của các bị cáo Trần Chí T (T Dâm) và Trần Vũ L là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ng-ời bị hại, làm ảnh h-ởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, để có tác động giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội thì cần có một mức án nghiêm khắc và tách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cho các bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt về sau.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với Trần Chí T (T Dâm) có 01 tiền án ch- a đ-ợc xóa; Phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Bị cáo Trần Vũ L không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Trần Chí T (T Dâm) và Trần Vũ L có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và giá trị tài sản trộm cắp không lớn, người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị Trúc Giang có mua 01 máy tính bảng do Trần Vũ L bán. Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Nguyễn Thị Trúc Giang, trường hợp có đủ căn cứ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả tài sản bị mất lại cho người bị hại gồm:

Ông Nguyễn Văn Thân, sinh năm 1944, ngụ tại ấp Dân Q, xã Ngoc T, huyện G, tỉnh Kiên Giang 9.000.000đ (chín triệu đồng);

Lý Thành N, sinh năm 1968, ngụ tại ấp Thạnh A, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6, màu trắng có ốp lưng màu xanh, số IMEL352948099626446 đã qua sử dụng;

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970, ngụ tại khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang 02 chân l- h- ơng bằng đồng có màu vàng, cân nặng 06kg;

Bà Trần Thị Q, sinh năm 1952, ngụ tại khu phố 4, thị trấn G, huyện G, huyện G, tỉnh Kiên Giang 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen và 01 bình gas bằng kim loại hiệu VT-GAS, cân nặng 15,4kg đã qua sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T là ông cho bị cáo Trần Chí T 1.000.000đồng, ông chỉ nhận 1.400.000đồng, nghĩ nên xử buộc bị cáo Trần Chí T phải bồi thường cho ông T 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng);

- Xử buộc gia đình Trần Văn H và Trần Chí T (T Dâm) liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn T 2.200.000đồng trong đó: Gia đình Trần Văn H 2.000.000đ (hai triệu đồng) và Trần Chí T (T Dâm) 200.000đ (hai trăm nghìn đồng),

- Xử buộc gia đình Trần Văn H và Trần Chí T (T Dâm) liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Q 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) trong đó: Gia đình Trần Văn H bồi thường 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và Trần Chí T (T Dâm) bồi thường 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) bao gồm: 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, mô del: Fami 1, IMEL 1: 352377064051457, IMEL 2: 352377064051465, Made in China đã hỏng hoàn toàn giá trị t- ơng đ- ơng 300.000đồng, 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch, màu xanh, cỡ 08 phân vàng 18k giá trị t- ơng đ- ơng 4.500.000đồng.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về án phí:

- □n phí dân sự không có giá ngạch: Bị cáo T (T Dâm) phải chịu đối với số tiền: 4. 000.000đồng bằng 300.000đ + 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm = 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trần Vũ L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm = 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- □n phí dân sự không có giá ngạch: Em Trần Văn H và người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị Kim N phải chịu đối với số tiền 4.400.000đồng bằng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Trần Chí T (T Dâm) và Trần Vũ L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- □p dụng khoản 1 □iều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Chí T (T Dâm) 18 (m- ời tám) tháng tù, thời hạn tù đ- ọc tính từ ngày tạm giữ là ngày 11 tháng 6 năm 2021.

- □p dụng khoản 1 □iều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Vũ L 12 (m- ời hai) tháng tù, thời hạn tù đ- ọc tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng của vụ án:

- □p dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả tài sản bị mất lại cho ng- ời bị hại gồm:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1944, ngụ tại ấp Dân Q, xã Ngoc T, huyện G, tỉnh Kiên Giang 9.000.000đ (chín triệu đồng);

Lý Thành N, sinh năm 1968, ngụ tại ấp Thạnh A, xã Thạnh L, huyện G, tỉnh Kiên Giang 01 máy tính bảng hiệu Samsung Tab A6, màu trắng có ốp l- ng màu xanh, số IMEL352948099626446 đã qua sử dụng;

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970, ngụ tại khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang 02 chân l- h- ơng bằng đồng có màu vàng, cân nặng 06kg;

Bà Trần Thị Q, sinh năm 1952, ngụ tại khu phố 4, thị trấn G, huyện G, huyện G, tỉnh Kiên Giang 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đen và 01 bình gas bằng kim loại hiệu VT-GAS, cân nặng 15,4kg đã qua sử dụng.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Xử buộc bị cáo Trần Chí T phải bồi th- ờng cho ông Thân 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng);

- Xử buộc em Trần Văn Hoàng cùng người đại diện hợp pháp của em Hoàng là bà Trần Thị Kim N và Trần Chí T (T Dâm) liên đới bồi th- ờng cho ông

Nguyễn Văn T 2.200.000đồng trong đó: Gia đình Trần Văn H bồi th- ờng 2.000.000đ (hai triệu đồng) và Trần Chí T (T Dầm) bồi th- ờng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng),

- Xử buộc em Trần Văn H cùng người đại diện hợp pháp của em H là bà Trần Thị Kim N và Trần Chí T (T Dầm) liên đới bồi th- ờng cho bà Nguyễn Thị Q 4.800.000đồng trong đó gia đình em H 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và Trần Chí T (T Dầm) bồi th- ờng 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

5. Về án phí:

- Xử buộc bị cáo Trần Vũ L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Xử buộc bị cáo Trần Chí T (T Dầm) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng, cộng chung 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

- Xử buộc em Trần Văn H và người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Báo cho các bị cáo, bị hại, ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 14 tháng 10 năm 2021, những ng- ời vắng mặt đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan điều tra;
- T.H.A- HS, DS;
- Bị cáo; ĐD bị hại;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Tám